

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HS-ST  
Ngày: 16/12/2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Chí Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Hoàng Diễm - Phó Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện C.

2. Bà Đinh Thị Thanh Giang - Phó Hiệu trưởng Trường THCS T, huyện C.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Đặng Tuấn D**, sinh ngày: 07/10/2002, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Đặng Văn D (chết) và bà Trương Thị Ngọc P; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/7/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**2. Lê Thanh C**, sinh ngày: 16/9/2004, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông Lê Văn Th và bà Lý Thị T; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: không.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1975 (Vắng mặt) và bà Lý Thị T, sinh năm 1975 (Có mặt). Cùng địa chỉ: Số 11B, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**3. Nguyễn Thanh P**, sinh ngày: 30/12/2002, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị B; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/7/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**4. Nguyễn Hải Đăng**, sinh ngày 26/11/2004, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Nguyễn Văn B và bà C (Châu Thị P); Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: không.

Người đại diện hợp pháp: Bà Châu P (Châu Thị P), sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**5. Phạm Văn Tuấn**, sinh ngày 07/7/2002, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Diễm T; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/7/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

Trịnh Minh S, sinh năm 2003 (Có mặt).

Địa chỉ: 10/10 ấp 3, xã Đ, huyện H, Thành Phố Hồ Chí Minh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+Nguyễn Thị Thùy H, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: 10/10 ấp 3, xã Đ, huyện H, Thành Phố Hồ Chí Minh

+Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: 116A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng:*

+Võ Thị Thanh T, sinh năm 2002 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+Huỳnh Ngọc N, sinh năm 2007 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện hợp pháp: Bà Trương Thị Kim H. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

+ Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 2003 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh C: Ông Võ Vũ L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hải Đ: Bà Đoàn Thị Ngọc D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Vào khoảng 21 giờ ngày 02/12/2021, Đặng Tuấn D đang đi trên đường Giồng Da, thuộc ấp P, xã P, huyện C, Bến Tre thì phát hiện anh Trịnh Minh S đang đi đến nhà anh Lê Quốc K tại ấp P, xã P, huyện Châu Thành để nhậu chung với bạn gái của D là Huỳnh Ngọc N cùng một số người bạn của N. Duy về phòng trọ gần khu vực ngã tư Tú Điền, phường P, Thành phố Bến Tre dùng điện thoại tìm tài khoản Facebook của anh S và điện thoại chửi bới. Khoảng 10 phút sau, D lấy 01 cây dao tự chế để đi tìm và chém anh S. Lúc này, trong phòng trọ của D có 04 người gồm: Lê Thanh C, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Hải Đ, Phạm Văn T đang ngồi nhậu, khi nghe D rú đi đánh anh S thì C, P, T, Đ đi theo để phụ D đánh anh Sang, C đi lại phía sau tú lấy 01 cây kiếm Nhật mang theo. Khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, khi cả 05 người đến trước sân nhà anh K kêu cửa, N ra mở cửa. D cầm dao đi vào hỏi “ai tên S”. S trả lời “là em nè” D hỏi tiếp mày thích bé N phải không” S nói mới quen mà thích gì, D hỏi tiếp “Mày thích ăn dao không” và dùng dao chém xuống bàn ăn rồi vung dao từ trên xuống để chém vào người anh S, anh S đưa tay trái lên đỡ thì bị thương ở ngón tay trở, đưa tay phải lên đỡ thì bị dao chém trúng vào cẳng tay. C cầm cây kiếm Nhật xông vào chém 03 cái trúng vào lưng của S. P và Đ cầm nón bảo hiểm xông vào đánh anh S. Thấy anh S bỏ chạy, T lượm 01 đoạn cây và rượt theo dùng tay đánh vào mặt anh S, sau đó cả nhóm của D đi về, anh S được đưa đến bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu để điều trị. D đem con dao tự chế và cây kiếm Nhật của C quăng xuống sông tại khu vực cầu Ba Lai 3 thuộc xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre không thu hồi được.

Ngày 03/12/2021, bà Nguyễn Thị Thu H là mẹ của Trịnh Minh S đến trình báo cơ quan công an.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 15-0122/TgT ngày 21/01/2022 của Trung tâm giám định pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của Trịnh Minh S như sau:

- Vết thương đốt gần ngón 2 tay trái kích thước (02 x 02) cm lộ gân xương: cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra.

+ X.Quang: gãy xương đốt gần ngón 2 bàn tay trái: 02%;

+ Hiện vết thương đã lành sẹo kích thước (06 x 0,1) cm: 02 %;

+ Cứng khớp liên đốt 1-2 ngón 2: 03 %;

- Vết thương cẳng tay phải khoảng 03 cm rách da nông, hiện vết thương đã lành sẹo kích thước (2,5 x 0,7) cm: 02 %; cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 09%.

Ngày 20/4/2022, do việc các đối tượng đều khai nhận có chém trên lưng của anh Sang 03 nhát, qua xem xét các dấu vết trên thân thể anh Sang thể hiện có 03 vết sẹo dài, Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung thương tích của anh Trịnh Minh S.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích (giám định bổ sung) số 115-422/TgT ngày 21/4/2022 của Trung tâm giám định pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của Trịnh Minh S như sau:

- Vết thương rách da lưng phải 03 cm, đã lành sẹo, kích thước (03,5 x 0,3)cm: 02 %; cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra.

- 02 vết sưng da lưng phải 05 cm và 02,5 cm, đã lành để lại 02 vết sạm da, kích thước (06 x 0,1) cm: 01 % và (04 x 0,1) cm: 01 %, cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích qua hai lần giám định là 12%.

Cáo trạng số 90/CT-VKSCT ngày 02/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Đặng Tuấn D, Lê Thanh C, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Hải Đ, Phạm Văn T về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Tuấn D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 58, 91, 98 và 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thanh C từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P từ 02 đến 03 năm tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 58, 91, 98 và 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s, b khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 54 và 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Đặng Tuấn D, Lê Thanh C, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Hải Đ, Phạm Văn T bồi thường cho bị hại Trịnh Minh S theo quy định pháp luật.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Diễm T là mẹ ruột Phạm Văn T đã thay bị cáo T giao 20.000.000đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C để bồi thường

cho anh S và bà H. Đề nghị tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000đồng mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Trịnh Minh S yêu cầu các bị cáo bồi thường 93.000.000đồng, gồm các khoản: chi phí điều trị 36.891.520 đồng; tiền tổn thất tinh thần số tiền 28.108.480đồng; tiền mất thu nhập trong thời gian 04 tháng 28.000.000đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu các bị cáo bồi thường 7.000.000đồng tiền mất thu nhập trong 14 ngày chăm sóc anh Trịnh Minh S điều trị thương tích.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cáo Lê Thanh C trình bày:*

Thông nhất với quan điểm truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo Lê Thanh C. Về trách nhiệm hình sự do bị cáo là người chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định pháp luật đối với người chưa thành niên để xét xử đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thanh C phạm “Tội cố ý gây thương tích” và áp dụng hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xem xét giải quyết theo quy định pháp luật

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cáo Nguyễn Hải Đ trình bày:*

Thông nhất với quan điểm truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Hải Đ. Do bị cáo là người chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định pháp luật đối với người chưa thành niên để xét xử bị cáo theo mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố đồng thời tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình điều tra và tại tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người làm chứng vắng mặt tại tòa nhưng đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là phù hợp quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại tòa phù hợp lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm cũng như công cụ gây án và các

tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Mặc dù giữa Đặng Tuấn D, Lê Thanh C, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Hải Đ, Phạm Văn T không có quen biết với anh Trịnh Minh S, nhưng khi nghe D rủ đi đánh anh S vì nghi ngờ S quen với Huỳnh Ngọc N (bạn gái của D) thì C, P, Đ, T đi theo phụ đánh anh S. Khoảng 22 giờ 50 phút, ngày 02/12/2021, tại nhà anh Lê Quốc K, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, Đặng Tuấn D đã có hành vi dùng dao chém trúng vào ngón tay trở bàn tay trái và cẳng tay phải của anh S, Lê Thanh C dùng kiếm chém trúng vào lưng của anh S, P và Đ cầm nón bảo hiểm đánh vào người anh S, T dùng tay đánh vào mặt anh S gây thương tích.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo D, C, P, Đ, T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội trên địa bàn các bị cáo thực hiện tội phạm. Các bị cáo không có quen biết với anh Trịnh Minh S nhưng các bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho S với tỷ lệ thương tích là 12% thể hiện bản tính côn đồ, xem thường pháp luật, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định các bị cáo D, C, P, Đ, T phạm “*Tội cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 với tình tiết định khung “*dùng hung khí nguy hiểm*” và “*có tính chất côn đồ*”. Việc truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là có căn cứ và đúng người, đúng tội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự bàn bạc, thống nhất khi thực hiện hành vi phạm tội nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, xét bị cáo Đặng Tuấn D là người rủ các bị cáo còn lại đi đánh, chém anh S, hơn nữa D là người thực hành có vai trò tích cực nhất, là người đầu tiên lấy hung khí, gặp nói chuyện rồi dùng dao chém anh S trước, nên hình phạt đối với bị cáo D là cao hơn các bị cáo còn lại là phù hợp; bị cáo Lê Thanh C giữ vai trò là người thực hành tích cực đứng sau bị cáo D, khi nghe D nói đi đánh anh S thì C là người đi lấy hung khí đem theo và trực tiếp chém 03 nhát vào lưng anh S và các bị cáo P, Đ, T giữ vai trò thực hành ngang nhau. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo C, Đ là người chưa thành niên nên cần xem xét áp dụng chế định người chưa thành niên phạm tội khi lượng hình đối với các bị cáo C, Đ.

[5] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo C, P, Đ, T phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, riêng bị cáo D xúi giục, rủ rê bị cáo C, bị cáo Đ là người chưa thành niên thực hiện hành vi phạm tội vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết tăng nặng xúi giục người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[6] *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Phạm Văn T có thêm tình tiết đã tác động gia đình bồi thường 20.000.000 đồng cho bị hại để khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo Phạm Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên áp dụng hình

phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố là phù hợp với quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện có tính chất côn đồ, xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe người khác nên cần thiết áp dụng hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Tại tòa, các bị cáo Đặng Tuấn D, Nguyễn Thanh P, Phạm Văn T, Lê Thanh C đồng ý bồi thường cho bị hại S tiền chi phí điều trị 36.891.520đồng, tiền tổn thất tinh thần 28.108.480đồng; tiền mất thu nhập trong 04 tháng 28.000.000đồng và bồi thường bà H 7.000.000đồng tiền mất thu nhập trong 14 ngày chăm sóc anh S điều trị thương tích. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Hải Đ và người đại diện hợp pháp chỉ đồng ý bồi thường cho anh S và bà H số tiền từ 3.000.000đồng – 5.000.000đồng, do còn có bị cáo và người đại diện hợp pháp không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh S và bà H nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết yêu cầu của anh S và bà H về phần trách nhiệm dân sự theo quy định pháp luật.

Đối với tiền chi phí điều trị thương tích bị hại Sang yêu cầu:

Hội đồng xét xử thấy rằng đối chiếu các hoá đơn, giấy tờ chứng từ trong quá trình điều trị thương tích mà anh Sang cung cấp cho Tòa án thể hiện tổng số tiền chi phí điều trị có giấy tờ hợp lệ là 16.771.082 đồng do đó cần buộc các bị cáo Đặng Tuấn D, Nguyễn Thanh P, Phạm Văn T, Lê Thanh C, Nguyễn Hải Đ và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Thanh C, Nguyễn Hải Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường chi phí điều trị thương tích cho anh S với số tiền 16.771.082đồng là phù hợp.

Theo hồ sơ thể hiện, anh S không cung cấp giấy tờ chứng minh thu nhập và nghề nghiệp của bản thân mà chỉ có lời khai nên Hội đồng xét xử xem xét lấy mức lương lao động phổ thông tại địa phương là 300.000đồng/ngày để buộc các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho các bị cáo chưa thành niên bồi thường cho anh S là phù hợp; Hội đồng xét xử thấy rằng đối chiếu tỷ lệ thương tật của Sang là 12% thì chỉ cần chấp nhận khoản tiền mất thu nhập trong 02 tháng do đó, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Đặng Tuấn D, Nguyễn Thanh P, Phạm Văn T, Lê Thanh C, Nguyễn Hải Đ và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Thanh C, Nguyễn Hải Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường tiền mất thu nhập cho S với số tiền 18.000.000đồng (2 tháng x 300.000đồng/ngày) là phù hợp.

Đối với khoản tiền tổn thất tinh thần bị hại S yêu cầu:

Hội đồng xét xử thấy rằng đối chiếu tỷ lệ thương tật của Sang là 12%, mức độ tổn thương, vị trí các vết thương không ảnh hưởng nhiều đến tinh thần bị hại nên chỉ cần chấp nhận khoản tiền tổn thất tinh thần tương đương 15 tháng lương cơ bản là phù hợp và buộc các bị cáo Đặng Tuấn D, Nguyễn Thanh P, Phạm Văn T,

Lê Thanh C, Nguyễn Hải Đ và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Thanh C và Nguyễn Hải Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho anh S với số tiền 22.350.000đồng (15 tháng x 1.490.000đồng/tháng).

Đối với khoản tiền mất thu nhập trong thời gian nuôi anh S điều trị thương tích mà bà H yêu cầu:

Bà H không cung cấp giấy tờ chứng minh thu nhập và nghề nghiệp lao động của bản thân nên Hội đồng xét xử xem xét lấy mức lương lao động phổ thông tại địa phương là 300.000đồng/ngày để buộc các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho các bị cáo chưa thành niên bồi thường cho bà H. Hội đồng xét xử thấy rằng đối chiếu tỷ lệ thương tật của S việc bà H yêu cầu bồi thường trong thời gian 14 ngày là phù hợp do đó, Hội đồng xét xử cần buộc các bị cáo Đặng Tuấn D, Nguyễn Thanh P, Phạm Văn T, Lê Thanh C, Nguyễn Hải Đ và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Thanh C, Nguyễn Hải Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường tiền mất thu nhập cho bà H trong thời gian nuôi anh S điều trị thương tích là 4.200.000đồng (14 ngày x 300.000đồng/ngày).

Từ những phân tích, đánh giá trên buộc các bị cáo Đặng Tuấn D, Nguyễn Thanh P, Phạm Văn T, Lê Thanh C, Nguyễn Hải Đ và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Thanh C, Nguyễn Hải Đ cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ bồi thường tổng số tiền 61.321.082đồng (gồm 16.771.082 đồng tiền chi phí điều trị + 22.350.000đồng tiền tổn thất tinh thần + 18.000.000đồng tiền mất thu nhập bồi thường cho anh S và bồi thường cho bà H 4.200.000đồng tiền mất thu nhập trong thời gian nuôi anh S điều trị thương tích)

Tuy nhiên, bị cáo Tđã tác động gia đình bồi thường cho S số tiền 20.000.000đồng nên cần buộc các bị cáo cùng liên đới nghĩa vụ bồi thường tiếp cho S và bà H số tiền 41.321.082đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000đồng (Hai triệu đồng) mà bà Nguyễn Thị Diễm T đã nộp của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Diễm T không yêu cầu các bị cáo liên đới trả lại số tiền đã bồi thường là 20.000.000đồng.

[10] Đối với hành vi của Võ Thị Thanh T đi theo cùng 05 bị cáo đến trước sân nhà anh K vào khoảng 22 giờ 50 phút ngày 02/12/2021, khi D, C, P, Đ, T vô nhà chém, đánh anh S . Quá trình điều tra, T đứng ở ngoài đường, không giúp sức cho các bị cáo gây thương tích cho anh S, mục đích của T đi theo là để khuyên N và D làm lành với nhau, quá trình điều tra T không biết D, C, P, Đ, T đi qua nhà anh K là để chém, đánh anh S, hành vi của T không đồng phạm với D, C, P, Đ, T, do đó không đề cập xử lý hình sự đối với Võ Thị Thanh T là phù hợp.

#### [12] Về án phí:

- *Án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Các bị cáo Đặng Tuấn D, Nguyễn Thanh P, Phạm Văn T, Lê Thanh C, Nguyễn Hải Đ và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê



Thanh C, Nguyễn Hải Đ cùng liên đới nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 2.066.000đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Đặng Tuấn D, Lê Thanh C, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Hải Đ, Phạm Văn T phạm “*Tội cố ý gây thương tích*”.

[1] Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Đặng Tuấn D **03** (Ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2022.

[2] Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Thanh C **02** (Hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[3] Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P **02** (Hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2022.

[4] Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T **01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2022.

[5] Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Đ **01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[6] Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 587 và 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo Đặng Tuấn D, Lê Thanh C, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Hải Đ, Phạm Văn T và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đ, bị cáo C cùng liên đới nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh Trịnh Minh S và bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thùy H tổng số tiền 41.321.082đồng (trong đó bồi thường cho anh Trịnh Minh

S số tiền là 37.121.082 đồng và bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thùy H số tiền 4.200.000đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) mà bà Nguyễn Thị Diễm T đã nộp để đảm bảo thi hành án.

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.*

[7] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 23 và 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Đặng Tuấn D, Lê Thanh C, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Hải Đ, Phạm Văn T mỗi bị cáo có nghĩa vụ chịu án phí số tiền 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo Đặng Tuấn D, Nguyễn Thanh P, Phạm Văn T, Lê Thanh C, Nguyễn Hải Đ và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Thanh C, Nguyễn Hải Đ cùng liên đới nghĩa vụ chịu án phí số tiền 2.066.000đồng.

[8] Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người đại diện hợp pháp của bị cáo vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện C, tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Bến Tre (1b);
- Công an huyện C, tỉnh Bến Tre (3b);
- Bộ phận HS CA huyện C, tỉnh Bến Tre (2b);
- UBND xã các bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Chí Cường**

